**KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II** **MÔN SINH HỌC LỚP 11** *Thời gian làm bài 45 phút*

**MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Số tiết** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | **Tổng** | | | | | | | | | **% tổng** |
| **Nhận biết** | | | | **Thông hiểu** | | | | | **Vận dụng** | | | | | **Vận dụng cao** | | | | | **Số CH** | | | | | | **Thời gian** | | |
| Số CH | | Thời gian | | Số CH | | Thời gian | | Số CH | | | Thời gian | | Số CH | | | Thời gian | | TN | | | TL | | |  | | |  | |
| **1** | **Cảm ứng ở sinh vật** | Khái quát về cảm ứng của sinh vật | 1 | 1 | | 0,75 | | 1 | | 1,0 | |  | | |  | |  | | |  | | 2 | | |  | | |  | | | 5% | |
| Cảm ứng ở thực vật | 3 | 4 | | 3,0 | | 3 | | 3,0 | |  | | |  | |  | | |  | | 7 | | |  | | |  | | | 17,5% | |
| Cảm ứng ở động vật | 5 | 4 | | 3,0 | | 4 | | 4,0 | | 1 | | | 6,0 | |  | | |  | | 8 | | | 1 | | |  | | | 30% | |
| Tập tính ở động vật | 3 | 2 | | 1,5 | | 1 | | 1,0 | | 1 | | | 6,0 | |  | | |  | | 3 | | | 1 | | |  | | | 17,5% | |
| **2** | **Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật** | Khái quát về sinh trưởng và phát triển ở sinh vật | 1 | 1 | | 0,75 | | 1 | | 1,0 | |  | | |  | |  | | |  | | 2 | | |  | | |  | | | 5% | |
| Sinh trưởng và phát triển ở thực vật | 4 | 4 | | 3,0 | | 2 | | 2,0 | |  | | |  | | 1 | | | 9,0 | | 6 | | | 1 | | |  | | | 25% | |
| ***Tổng*** | | |  | **16** | **12,0** | | **12** | | **12,0** | | **2** | | | **12,0** | | **1** | | | **9,0** | | **28** | | | **3** | | |  | | |  | | |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40%** | | | | **30%** | | | | | **20%** | | | | | **10%** | | | | | **70** | | | **30** | | |  | | | **100** |

**BẢN ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng**  **cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ** | | | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **VD cao** | |
| **1** | **Cảm ứng ở sinh vật** | **Khái quát về cảm ứng của sinh vật** | **Nhận biết:**  - Phát biểu được khái niệm cảm ứng ở sinh vật.  - Nêu được vai trò của cảm ứng đối với sinh vật. | 1 | 1 |  | |  | |
| **Thông hiểu:**  - Lấy được ví dụ về vai trò của cảm ứng với sinh vật  - Trình bày được cơ chế cảm ứng ở sinh vật (thu nhận kích thích, dẫn truyền kích thích, phân tích và tổng hợp, trả lời kích thích). |
| **Cảm ứng ở thực vật** | **Nhận biết:**  - Nêu được khái niệm cảm ứng ở thực vật, phân loại cảm ứng.  - Nêu được đặc điểm cảm ứng ở thực vật.  - Nêu được một số hình thức biểu hiện của cảm ứng ở thực vật: vận động hướng động và vận động cảm ứng. | 4 | 3 |  | |  | |
| **Thông hiểu:**  - Phân tích được vai trò cảm ứng đối với thực vật.  - Trình bày được cơ chế cảm ứng ở thực vật.  - Phân loại các kiểu cảm ứng ở thực qua các ví dụ cụ thể |
| **Vận dụng:**  - Phân biệt được ứng động với hướng động ở thực vật  - Giải thích được một số hiện tượng cảm ứng ở thực  vật và ứng dụng của nó  **Vận dụng cao:**  Vận dụng được hiểu biết về cảm ứng ở thực vật để giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn. |
| **Cảm ứng ở động vật** | **Nhận biết:**   * Nêu được khái niệm phản xạ. * Nêu được cấu tạo và chức năng của TBTK * Kể tên được các hình thức cảm ứng ở các nhóm động vật khác nhau. * Nêu được các dạng thụ thể cảm giác và vai trò của chúng * Nêu được vai trò của các cảm giác vị giác, xúc giác, khứu giác | 4 | 4 | 1 | |  | |
| **Thông hiểu:**  - Trình bày được các hình thức cảm ứng ở các nhóm động vật khác nhau.  - Dựa vào hình vẽ hoặc sơ đồ), phân biệt được hệ thần kinh dạng ống với hệ thần kinh dạng lưới và dạng chuỗi hạch.   * Dựa vào sơ đồ, mô tả được cấu tạo synapse và quá trình truyền tin qua synapse. * Phân biệt được phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện * Dựa vào sơ đồ, phân tích được một cung phản xạ (các thụ thể, dẫn truyền, phân tích, đáp ứng).   + Trình bày đặc điểm và phân loại được phản xạ không điều kiện. Lấy được các ví dụ minh hoạ.  + Trình bày được đặc điểm, các điều kiện và cơ chế hình thành phản xạ có điều kiện. Lấy được các ví dụ minh hoạ.   * Nêu được một số bệnh do tổn thương hệ thần kinh như mất khả năng vận động, mất khả năng cảm giác... |
| **Vận dụng**   * Phân tích được cơ chế thu nhận và phản ứng kích thích của các cơ quan cảm giác (tai, mắt). * Phân tích được đáp ứng của cơ xương trong cung phản xạ. * Phân tích và giải thích được cơ chế hoạt động của một phản xạ qua 1 ví dụ cụ thể.   - Phân tích được sự tiến hoá trong các hình thức  cảm ứng ở các nhóm động vật có trình độ tổ chức  khác nhau. |
| **Vận dụng cao:**   * Vận dụng hiểu biết về hệ thần kinh để giải thích được cơ chế giảm đau khi uống và tiêm thuốc giảm đau. * Đề xuất được các biện pháp bảo vệ hệ thần kinh: không lạm dụng chất kích thích; phòng chống nghiện và cai nghiện các chất kích thích. |
| **Tập tính ở động vật** | **Nhận biết**   * Nêu được khái niệm tập tính ở động vật.   - Nêu được một số hình thức học tập ở động vật. | 2 | 1 | 1 | |  | |
| **Thông hiểu**  - Phân tích được vai trò của tập tính đối với đời sống động vật  - Lấy được một số ví dụ minh hoạ các dạng tập tính ở động vật.   * Phân biệt được tập tính bẩm sinh và tập tính học được. Lấy được ví dụ minh hoạ.   - Lấy được ví dụ chứng minh pheromone là chất được sử dụng như những tín hiệu hoá học của các cá thể cùng loài.   * Lấy được ví dụ minh hoạ về các hình thức học tập của động vật. * Giải thích được cơ chế học tập ở người. |
| **Vận dụng**   * Vận dụng được kiến thức về tập tính vào thực tiễn đời sống: dạy động vật làm xiếc; dạy trẻ em học tập; ứng dụng trong chăn nuôi; bảo vệ mùa màng; ứng dụng pheromone trong thực tiễn.... |
| **Vận dụng cao** |  |  |  | |  | |
| 2 | **Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật** | **Khái quát về sinh trưởng và phát triển ở sinh vật** | **Nhận biết:**  - Nêu được khái niệm sinh trưởng và phát triển ở sinh vật  - Nêu được khái niệm vòng đời và tuổi thọ của sinh vật. | 1 | 1 |  | |  | |
| **Thông hiểu**  - Phân tích được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển.  - Trình bày được dấu hiệu đặc trưng của sinh trưởng, phát triển ở sinh vật  - Trình bày được một số yếu tố ảnh hưởng đến tuổi thọ của con người. |
| **Vận dụng**  - Vận dụng được kiến thức hiểu biết về vòng đời của sinh vật trong thực tiễn |
| **Sinh trưởng và phát triển ở thực vật** | **Nhận biết**  - Nêu được đặc điểm sinh trưởng, phát triển ở thực vật  - Nêu được khái niệm mô phân sinh.  - Nêu được khái niệm và vai trò hormone thực vật | 4 | 2 |  | | 1 | |
| **Thông hiểu**  - Trình bày được vai trò của mô phân sinh đối với sinh trưởng ở thực vật.  - Phân biệt được các loại mô phân sinh.   * Phân tích được một số yếu tố môi trường ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở thực vật   - Trình bày được quá trình sinh trưởng sơ cấp và sinh trưởng thứ cấp ở thực vật.   * Phân biệt được các loại hormone kích thích tăng trưởng và hormone ức chế tăng trưởng. * Trình bày được sự tương quan các hormone thực vật và nêu được ví dụ minh hoạ.   - Dựa vào sơ đồ vòng đời, trình bày được quá trình phát triển ở thực vật có hoa.  - Trình bày được các nhân tố chi phối quá trình phát triển ở thực vật có hoa. Lấy được ví dụ minh hoạ. |
| **Vận dụng**  Giải thích được cơ chế ứng dụng chất điều hoà sinh trưởng trong sản xuất nông nghiệp. |
| **Vận dụng cao**  Giải thích và áp dụng các kiến thức sinh trưởng và  phát triển trong trồng trọt và lĩnh vực đời sống. |
| **Tổng** | | | | **16** | **12** | **2** | **1** | |